TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/KDTM-PT
Ngày: 11-12-2023
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Huỳnh Thị Hồng Vân

bà Trần Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng S, địa chỉ: đường N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Trần Song Hạ Q - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Giao dịch C Ngân hàng S, chi nhánh Tiền Giang (theo Quyết định ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26 tháng 12 năm 2022).

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Minh C, sinh năm: 1975 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) T1.

2. Bà Trần Thị Minh N, sinh năm: 1975.

Cùng địa chỉ: số 378/6, ấp L, xã L1, huyện T, tỉnh Long An.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng S do bà Trần Song Hạ Q là người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm như sau:

Ngày 24/02/2022, Ngân hàng S - PGD C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Lê Minh C và bà Trần Thị Minh N đã ký hợp đồng tín dụng số 202226540270, theo đó Ngân hàng cho ông C và bà N vay số tiền 3.000.000.000 đồng, đối tượng sử dụng vốn vay là DNTN T1 do ông Lê Minh C là chủ doanh nghiệp. Ngày 25/02/2022, Ngân hàng đã giải ngân đủ tiền cho DNTN T1, theo giấy nhận nợ số LD2205600474, thời hạn vay 01 năm, phương thức trả nợ: lãi trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ, lãi suất 10,5%/năm (lãi suất điều chỉnh theo từng kỳ), mục đích vay tiền là để bổ sung vốn chế biến rau quả.

Ngày 24/8/2022, Ngân hàng và ông Lê Minh C và bà Trần Thị Minh N đã ký hợp đồng tín dụng số 202226777960, theo đó Ngân hàng cho ông C và bà N vay số tiền 4.200.000.000 đồng. Ngày 26/8/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho ông C, bà N, gồm: theo giấy nhận nợ số LD2223800277, ông C và bà N vay số tiền 2.940.000.000 đồng; theo giấy nhận nợ số LD2223800340, ông C và bà N vay số tiền là 1.260.000.000 đồng. Cả hai khoản nợ trên đều có thời hạn vay 01 năm, phương thức trả nợ: lãi trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ, lãi suất là 10,5%/năm (lãi suất điều chỉnh theo từng kỳ), mục đích vay tiền là để ông C và bà N bổ sung vốn kinh doanh thanh long.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1373361 ngày 01/12/2022, Ngân hàng đã cấp cho ông Lê Minh C 01 thẻ tín dụng, hạn mức thẻ là 200.000.000 đồng, lãi suất 24,6%/năm. Đến hết ngày 09/02/2023, ông C còn nợ Ngân hàng khoản vay thẻ tín dụng với số tiền là 185.725.038 đồng.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1752888 ngày 14/6/2021, Ngân hàng đã cấp cho bà Trần Thị Minh N 01 thẻ tín dụng, hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng, lãi suất 24,6%/năm. Đến hết ngày 09/02/2023, bà N còn nợ Ngân hàng khoản vay thẻ tín dụng với số tiền là 43.204.011 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông C và bà N đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản sau:

1. Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 8 xã L1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CĐ485231, số vào sổ cấp giấy CS05368, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 13/5/2016 cho bà N.

2. Thửa đất số 9 tờ bản đồ số 8, xã L1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CĐ485232, số vào sổ cấp giấy CS05367, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 13/5/2016 cho bà N.

3. Thửa đất số 32 tờ bản đồ số 21 xã L1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BY974227,

số vào sổ cấp giấy CH05101, do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 22/5/2015 cho bà N và ông C.

4. Thửa đất số 456 tờ bản đồ số 21 xã L1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BY974201, số vào sổ cấp giấy CH05104, do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 26/5/2015 cho bà N và ông C.

5. Thửa đất số 33 tờ bản đồ số 16 xã L1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BU610748, số vào sổ cấp giấy CH04908, do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 28/11/2014 cho bà N và ông C.

6. Thửa đất số 487 tờ bản đồ số 16 xã L1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BU610738, số vào sổ cấp giấy CH04907, do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 28/11/2014 cho bà N, ông C.

Từ ngày 24/02/2022, ông C - chủ DNTN T1 và bà N đã thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi theo hợp đồng là 436.781.082 đồng, tiền lãi phạt chậm trả lãi là 746.743 đồng. Sau đó, ông C và bà N không còn thanh toán thêm khoản tiền nào khác.

Nay, Ngân hàng yêu cầu:

Ông Lê Minh C - Chủ DNTN T1 và bà Trần Thị Minh N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 23/8/2023 tổng cộng là 8.007.810.433 đồng, gồm nợ gốc vay là 7.200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 472.245.534 đồng, tiền lãi quá hạn là 319.993.150 đồng, tiền lãi phạt chậm trả lãi là 15.571.748 đồng. Sau ngày 23/8/2023, nếu ông Lê Minh C - Chủ DNTN T1 và bà Trần Thị Minh N chậm thanh toán thì còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Ông Lê Minh C phải trả cho Ngân hàng khoản vay thẻ tín dụng, số tiền tạm tính đến ngày 23/8/2023 là 220.464.265 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 23/8/2023 theo mức lãi suất của khoản vay thẻ tín dụng cho đến khi trả xong nợ.

Ngân hàng rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay thẻ tín dụng của bà Trần Thị Minh N do bà N đã thanh toán xong nợ.

Nếu ông Lê Minh C - Chủ DNTN T1 và bà Trần Thị Minh N không thực hiện việc trả nợ, Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp thu hồi nợ.

Bị đơn ông Lê Minh C - Chủ DNTN T1 và bà Trần Thị Minh N đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S, buộc ông Lê Minh C - Chủ doanh nghiệp tư nhân T1 và bà Trần Thị Minh N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng S số tiền vốn vay là 7.200.000.000 đồng (bảy tỷ hai trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 472.245.534 đồng (bốn trăm bảy mươi hai triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng), tiền lãi quá hạn là 319.993.150 đồng (ba trăm mười chín triệu chín trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi đồng), tiền lãi phạt chậm trả lãi là 15.571.748 đồng (mười lăm triệu năm trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng), tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi tạm tính đến ngày 23/8/2023 là 8.007.810.433 đồng (tám tỷ không trăm lẻ bảy triệu tám trăm mười nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng). Sau ngày 23/8/2023, ông Lê Minh C- Chủ doanh nghiệp tư nhân T1 và bà Trần Thị Minh N chậm thanh toán thì phải trả tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Buộc ông Lê Minh C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền vay thẻ tín dụng và tiền lãi tạm tính đến ngày 23/8/2023 là 220.464.265 đồng (hai trăm hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh sau ngày 23/8/2023, theo mức lãi suất của khoản vay thẻ tín dụng cho đến khi trả xong nợ.

Đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng S đối với khoản vay thẻ tín dụng của bà Trần Thị Minh N.

2. Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp tài sản số 202226777960 ngày 24 tháng 8 năm 2022, để đảm bảo việc thi hành án.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), Ngân hàng S đã nộp tạm ứng số tiền này, buộc ông Lê Minh C - Chủ doanh nghiệp tư nhân T1 và bà Trần Thị Minh N có nghĩa vụ liên đới trả lại cho Ngân hàng S số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

4. Về án phí:

Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.636.000 đồng (năm mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006696 ngày 20 tháng 3 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Lê Minh C - Chủ doanh nghiệp tư nhân T1 và bà Trần Thị Minh N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 116.007.800 đồng (một trăm mười sáu triệu không trăm lẻ bảy nghìn tám trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 147/QĐ-VKS-KDTM ngày 19/9/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng đồng ý với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

Về nội dung kháng nghị: Kiểm sát viên giữ nguyên kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm và khoản tiền lãi của chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà ông Lê Minh C, bà Trần Thị Minh N phải trả cho Ngân hàng trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản theo mức lãi suất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An thực hiện đúng theo quy định tại Điều 278, Điều 279 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Lê Minh C – Chủ DNTN T1 và bà Trần Thị Minh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: các đương sự không có kháng cáo. Kiểm sát viên giữ nguyên kháng nghị về án phí sơ thẩm và khoản tiền lãi của chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà ông Lê Minh C, bà Trần Thị Minh N phải trả cho Ngân hàng trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản theo mức lãi suất theo quy định. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại hai phần nội dung này của bản án sơ thẩm.

[4] Xét nội dung kháng nghị về án phí sơ thẩm:

[4.1] Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm buộc ông Lê Minh C - Chủ DNTN T1 và bà Trần Thị Minh N phải liên đới trả cho Ngân hàng S tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi tạm tính đến ngày 23/8/2023 là 8.007.810.433 đồng. Ngoài ra, ông Lê Minh C còn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay thẻ tín dụng và tiền lãi tạm tính đến ngày 23/8/2023 là 220.464.265 đồng.

[4.2] Đối với nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng 8.007.810.433 đồng, bản án sơ thẩm buộc ông C – chủ DNTN T1 và bà N phải liên đới chịu 116.007.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm là là đúng. Đối với nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay thẻ tín dụng và tiền lãi là 220.464.265 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là thiếu sót.

[5] Xét nội dung kháng nghị về khoản tiền lãi của chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà ông Lê Minh C, bà Trần Thị Minh N phải trả cho Ngân hàng trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông C, bà N phải chịu tiền lãi trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản là không đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Từ nhận định tại mục [4] và mục [5], kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ, được chấp nhận toàn bộ, cần sửa một phần bản án sơ thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

2. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

3. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An về án phí sơ thẩm và khoản tiền lãi của chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà ông Lê Minh C, bà Trần Thị Minh N phải trả cho Ngân hàng trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản theo mức lãi suất theo quy định.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.636.000đ *(năm mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006696 ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4.2. Ông Lê Minh C – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 và bà Trần Thị Minh N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 116.007.800 đồng *(một trăm mười sáu triệu không trăm lẻ bảy nghìn tám trăm đồng).*

4.3. Ông Lê Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.023.200 đồng *(mười một triệu không trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng).*

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tổng cộng là 3.000.000 đồng:

5.1. Buộc ông Lê Minh C và bà Trần Thị Minh N phải liên đới chịu toàn bộ 3.000.000 đồng và có nghĩa vụ nộp để hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền trên.

5.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người

phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục